

Số: 99 /CTHTTHKVII

V/v Báo cáo tình hình quản lý nợ
năm 2017

Hải Phòng, ngày 27 tháng 03 năm 2018

Kính gửi: Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Bắc

Căn cứ Nghị định số 206/2013/NĐ-CP ngày 25/6/2013 của Chính Phủ về quản lý nợ của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Căn cứ Quy chế quản lý nợ của Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Bắc ban hành kèm theo Quyết định số 176/QĐ-TCTBÐATHHMB ngày 08/04/2014 của Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng công ty;

Căn cứ Quy chế quản lý nợ của Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực II ban hành kèm theo Quyết định số 101/QĐ-CTHTTHKVII ngày 17/3/2014 của Chủ tịch Công ty;

Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực II căn cứ vào các chỉ tiêu nhiệm vụ được giao, tình hình thực tế và báo cáo tài chính năm 2017 (đã được kiểm toán độc lập), để lập báo cáo tình hình quản lý nợ năm 2017 như sau:

1. Tình hình triển khai công tác quản lý nợ tại Công ty:

- Công ty đã triển khai thực hiện tốt Quy chế quản lý nợ tại đơn vị.
- Mở sổ theo dõi nợ theo từng đối tượng nợ; phân loại nợ, đơn đốc thu nợ liên tục và kịp thời.
- Đối với các khoản nợ phải thu, phải trả bằng ngoại tệ, thực hiện quy đổi sang đồng Việt Nam tại thời điểm hạch toán và lập báo cáo tài chính theo quy định.
- Công ty quản lý nợ phải thu phí hoa tiêu tốt, không để phát sinh công nợ phải thu khó đòi, không thu hồi được.
- Đối với các khoản nợ phải trả: Công ty luôn cân đối dòng tiền, đảm bảo nguồn chi trả, thanh toán các khoản nợ phải trả theo đúng thời hạn đã cam kết, không để mất khả năng thanh toán.

2. Tình hình công nợ phải thu đến 31/12/2017:

Tổng số nợ phải thu (MS130-BCĐKT): 16.193.243.292 đồng, bao gồm:

a) Phải thu ngắn hạn khách hàng (MS131-BCĐKT): 15.098.129.406 đồng.

Bao gồm:

+ Công nợ phải thu các đại lý, chủ tàu dịch vụ hoa tiêu hàng hải: 12.138.574.696 đồng. Trong đó, riêng công nợ của khách hàng Liên danh Penta-



Rinkai Nhật Bản là 4.984.775.472 đồng (tàu bùn của gói thầu số 9 cảng Lạch Huyện).

+ Công nợ phải thu Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Bắc là Cơ quan đặt hàng dịch vụ công ích kinh phí đặt hàng năm 2016 chưa thanh toán: 2.959.554.710 đồng.

b) Trả trước cho người bán ngắn hạn (MS132-BCĐKT): 50.000.000 đồng

c) Phải thu ngắn hạn khác (MS136-BCĐKT): 1.045.113.886 đồng, bao gồm:

+ Các khoản tạm ứng: 348.370.000 đồng.

+ Lãi tiền gửi NH có kỳ hạn đánh giá tại 31/12/2017: 423.507.077 đồng

+ Phải thu khác: 273.236.809 đồng.

d) Tình hình trích lập dự phòng công nợ phải thu khó đòi: Công ty không phát sinh công nợ phải thu khó đòi.

e) Tình hình xử lý công nợ khó đòi: Công ty không phát sinh nợ khó đòi cần xử lý

Đánh giá:

- Toàn bộ các khoản nợ phải thu của Công ty đều là các khoản phải thu ngắn hạn, được mở sổ sách theo dõi theo từng đối tượng, đơn đốc thu hồi nợ kịp thời, chưa để phát sinh nợ phải thu khó đòi.

- Nợ phải thu các đại lý, chủ tàu dịch vụ hoa tiêu hàng hải có phần công nợ của khách hàng Liên danh Penta-Rinkai Nhật Bản ký hợp đồng dịch vụ dẫn dắt tàu đổ thải của gói thầu số 9 Cảng Lạch Huyện với phần công nợ phát sinh hàng tháng rất lớn. Cho đến thời điểm báo cáo này, khách hàng đã trả hết số nợ nói trên.

- Nợ phải thu Cơ quan đặt hàng dịch vụ công ích từ năm 2016 Công ty chưa được Nhà nước thanh toán.

3. Tình hình công nợ phải trả đến 31/12/2017:

Tổng số nợ phải trả (MS300-BCĐKT): 101.598.945.591 đồng.

Bao gồm:

a) Phải trả người bán ngắn hạn (MS311-BCĐKT): 888.273.607 đồng: là các khoản phải trả người bán trong hạn theo các hợp đồng kinh tế đã ký kết. Công ty có khả năng trả nợ các khoản phải trả này.

b) Người mua trả tiền trước ngắn hạn (MS312-BCĐKT): 22.883.983 đồng.

c) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (MS314-BCĐKT): 8.792.135.197 đồng. Bao gồm:

- Thuế GTGT đầu ra phải nộp: 298.814.635 đồng

- Thuế thu nhập doanh nghiệp: 5.759.262.562 đồng

- Thuế thu nhập cá nhân: 2.734.058.000 đồng.

Công ty thực hiện nộp các khoản thuế vào NSNN vào kỳ tiếp theo.

d) Phải trả người lao động (MS314-BCĐKT): 30.494.699.879 đồng là các khoản trích lương thực hiện năm 2017 chưa chi cho người lao động đến thời điểm 31/12/2017. Công ty thực hiện chi trả kịp thời, đúng quy định khi cấp có thẩm quyền phê duyệt quỹ tiền lương.

e) Chi phí phải trả ngắn hạn (MS315-BCĐKT): 1.463.085.453 gồm

- Chi phí thuê dịch vụ neo đậu phương tiện tại Đồ Sơn: 50.000.000đ
- Chi phí phải trả tiền ăn ca, định lượng, phụ cấp đi biển còn lại của năm 2017: 1.278.710.453đ
- Chi phí phải trả khác: 134.375.000đ.

f) Các khoản phải trả ngắn hạn khác (MS319-BCĐKT): 24.470.678.765 đồng.

Bao gồm:

- Lợi nhuận còn lại phải nộp Chủ sở hữu: 24.238.855.291đ
- Kinh phí công đoàn: 222.845.617đ
- Phải trả khác: 8.977.857đ

g) Dự phòng phải trả ngắn hạn (MS321-BCĐKT): 14.488.034.215 đồng là khoản trích dự phòng 17% tiền lương năm 2017 của Công ty.

h) Quỹ khen thưởng, phúc lợi (MS322-BCĐKT): 20.979.154.492 đồng

Đánh giá:

- Công ty có khả năng thanh toán nợ tốt, thể hiện qua Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của Công ty = Tài sản ngắn hạn / Nợ ngắn hạn = 1,54.

- Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu = Nợ phải trả / Vốn chủ sở hữu = 1,51.

- Công ty không có nợ dài hạn và nợ phải trả quá hạn thanh toán. Toàn bộ nợ phải trả của công ty chủ yếu là các khoản thuế, phí phải nộp ngân sách nhà nước, các khoản phải trả người lao động, và phải trả người bán đều trong hạn thanh toán. Công ty có khả năng trả nợ, đã thực hiện thanh toán, chi trả vào kỳ tiếp theo.

CHỦ TỊCH CÔNG TY

Nơi nhận

- Như trên
- Chủ tịch Công ty;
- Kiểm soát viên (để giám sát);
- Giám đốc; các PGĐ;
- Kế toán trưởng ;
- Phòng TCKT (2b);
- Phòng KTKH (công khai thông tin)
- Lưu VT



Nguyễn Tiến Dũng